

Cải cách thể chế văn hóa của Trung Quốc

Nguyễn Thị Thu Phương*

Tóm tắt: Cải cách thể chế văn hóa từ năm 1978 đến nay là một lộ trình được Trung Quốc thực hiện bài bản nhằm nâng cao nội lực, mở rộng tầm ảnh hưởng, tăng khả năng lôi cuốn, ràng buộc về văn hóa trên phạm vi toàn cầu và đặc biệt là đối với các nước láng giềng thuộc khu vực Đông Á. Điều này đã đặt ra nhiều vấn đề buộc Việt Nam cần phải xem xét, lý giải và ứng phó. Bài viết nghiên cứu, đánh giá kinh nghiệm cải cách thể chế văn hóa ở Trung Quốc trong gần bốn thập kỷ qua, từ đó rút ra một số gợi mở chính sách đối với Việt Nam.

Từ khóa: Thể chế; thể chế văn hóa; cải cách thể chế văn hóa; Trung Quốc.

1. Mở đầu

Nhiều nhà hoạch định chính sách quốc gia cho rằng, cải cách thể chế chính là chìa khóa mở ra cánh cửa của sự phát triển. Với cách tiếp cận đó, từ năm 1978 đến nay, Trung Quốc đã nỗ lực tiến hành cải cách thể chế văn hóa một cách tiệm tiến, có trọng tâm và bài bản nhằm giải phóng sức sản xuất, tăng khả năng sáng tạo, năng lực cạnh tranh, tầm ảnh hưởng của văn hóa, từng bước đưa quốc gia này vươn lên trở thành một cường quốc văn hóa mới như một phần tất yếu của quá trình hiện thực hóa “Giấc mộng Trung Hoa”.

2. Nhận thức của Trung Quốc về cải cách thể chế văn hóa

2.1. Quan niệm về thể chế văn hóa

Thể chế là một khái niệm phức tạp, nó thường được các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách xem xét từ các góc độ khác nhau. Tại phương Tây, một trong những định nghĩa đầu tiên về thể chế được Thorstein Veblen đưa ra vào năm 1914. Theo ông: “Thể chế là tính quy chuẩn của hành vi hoặc các quy tắc xác định hành vi

trong những tình huống cụ thể, được các thành viên của một nhóm xã hội chấp nhận về cơ bản và sự tuân thủ các quy tắc đó là do bản thân tự kiểm soát hoặc do quyền lực bên ngoài khống chế” [1, tr.10]. Douglass Cecil North trong công trình “Thể chế, sự thay đổi thể chế và hoạt động kinh tế” cho rằng: “Thể chế là những quy tắc của trò chơi trong xã hội, hoặc nói một cách chính thức, là những giới hạn được vạch ra trong phạm vi khả năng và hiểu biết của con người hình thành nên mối quan hệ qua lại của con người” [13, tr.20]. Đồng thời, North lưu ý, sự thay đổi về thể chế hình thành nên cách tiến triển của xã hội theo thời gian và do đó nó là chìa khóa để hiểu sự thay đổi lịch sử [13, tr.68]. Cho đến nay, quan điểm của North coi thể chế như là một “luật chơi” được sử dụng hoặc vận dụng rộng rãi trong các hoạch định chính sách kinh tế, xây dựng thể chế chính trị tại nhiều quốc gia, hoặc các công trình nghiên cứu liên quan đến thể chế ở lĩnh

(*) Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.
ĐT: 0979833816.
Email: thuphuongvhtq@gmail.com

vực văn hóa, xã hội. Khi đề cập tới vấn đề thay đổi thể chế, ở các mức độ khác nhau, các công trình nghiên cứu của Trung Quốc đều ít nhiều vận dụng cách hiểu của North để lý giải tầm quan trọng của thể chế trong việc tạo nên sự thay đổi mang tính lịch sử của quốc gia này.

Đây cũng là cơ sở lý luận để các nhà hoạch định chính sách của Trung Quốc xác định, thể chế văn hóa bao gồm: “Chế độ sở hữu, quyền sở hữu của sự nghiệp văn hóa; phương thức quản lý kinh doanh của sự nghiệp văn hóa; các chính sách xây dựng, phát triển, quản lý sự nghiệp văn hóa; cơ chế vận hành xã hội: sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu thụ các sản phẩm văn hóa; chức năng, hệ thống tổ chức và phương thức quản lý văn hóa của Chính phủ; kết cấu tổ chức của văn hóa; quan hệ giữa chính quyền với các đơn vị sự nghiệp văn hóa...” [3, tr.192]. Theo nghĩa đó, thể chế văn hóa có nội hàm rộng là các luật lệ, quy định, chính sách, cam kết... (chính thức), cơ chế thực thi và thiết chế văn hóa (các tổ chức) và nó được nhìn nhận dưới góc độ “luật chơi” như cách North đã đề cập. Chúng tôi sẽ vận dụng cách tiếp cận của North để xem xét quá trình cải cách thể chế văn hóa của Trung Quốc. Bài viết giới hạn ở phương diện các luật định và văn bản dưới luật, hệ thống chính sách trong mối tương tác với cơ chế thực thi và các tổ chức văn hóa nên khái niệm công cụ này sẽ được chúng tôi sử dụng vào việc tìm hiểu, nhận diện quá trình cải cách thể chế văn hóa của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay và tập trung nghiên cứu kinh nghiệm tạo khả năng tác động từ các giới hạn chính thức của thể chế văn hóa Trung Quốc đối với lĩnh vực phát triển văn hóa.

2.2. Mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc cải cách thể chế văn hóa

Việc tổng hợp các văn kiện, văn bản pháp quy của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay [4, 5, 10, 11] đã bước đầu giúp chúng tôi xác định, về mặt tổng thể, Trung Quốc hướng cải cách thể chế văn hóa vào 4 mục tiêu chính sau: (1) Thay thế thể chế cũ bằng một thể chế văn hóa mới phù hợp với quy luật phát triển nội tại của văn hóa, có khả năng giải phóng năng lực sáng tạo của văn hóa, đáp ứng nhu cầu văn hóa của người dân, góp phần tạo nên sự thay đổi hành vi văn hóa, hình thành các giá trị văn hóa Trung Quốc mới theo hướng hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. (2) Thiết lập một hệ thống pháp chế duy lý, có tính ổn định lâu dài có khả năng thích ứng với các đòi hỏi của cải cách thể chế kinh tế, chính trị, xã hội với sự đồng thuận cao nhất của Đảng và Nhà nước Trung Quốc. (3) Hình thành các quy tắc, luật lệ, chuẩn mực xác định quyền sở hữu, trao đổi quyền sở hữu và bảo vệ quyền sở hữu nhằm khai thác tốt nhất sức sản xuất, kích thích năng lực sáng tạo và sự hình thành các giá trị văn hóa đương đại của Trung Quốc. (4) Phá bỏ những rào cản làm chậm sự phát triển của văn hóa, từng bước đưa cải cách thể chế văn hóa Trung Quốc sang một chu kỳ mới với sự kiện toàn của các quy tắc, luật lệ, chuẩn mực có khả năng kích thích nhu cầu sáng tạo, hình thành các giá trị văn hóa mới, hóa giải các nhân tố văn hóa ngoại lai gây xói mòn, mất ổn định đời sống văn hóa trong nước, tích cực tiếp nhận, tiếp biến các tinh hoa văn hóa thế giới, góp phần thúc đẩy mạnh hơn quá trình hiện thực hóa tham vọng biến Trung Quốc từ nước đang phát triển về văn hóa trở thành cường quốc văn hóa xã hội chủ nghĩa dẫn dắt, lãnh đạo thế giới [20].

Tuy nhiên, đây là các mục tiêu không dễ dàng đạt được trong bối cảnh thực tế của Trung Quốc ở từng giai đoạn khác nhau. Vì vậy, muốn đạt được các mục tiêu đề ra, cải cách thể chế văn hóa của Trung Quốc cần hoàn thành 3 nhiệm vụ chính: (1) cải cách phương thức quản lý văn hóa vĩ mô của Đảng và Chính phủ, hình thành thể chế quản lý văn hóa vĩ mô khoa học, có hiệu quả; (2) cải cách cơ chế vận hành văn hóa vĩ mô có khả năng tạo nên một sự nghiệp văn hóa hiện đại; (3) cải cách chế độ sở hữu, thể chế đầu tư, hoàn thiện hệ thống thị trường văn hóa hiện đại mở cửa, cạnh tranh, có trật tự. Các quan điểm của các văn kiện cũng quy định, trong quá trình thực hiện cải cách thể chế phải tuân theo 2 nguyên tắc cơ bản: kiên trì nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nguyên tắc chế độ công hữu làm chủ thể; kiên trì nguyên tắc ưu đãi có trọng điểm, chỉ đạo có phân loại, tuân tự tiến hành và từng bước mở rộng.

3. Tiến trình cải cách thể chế văn hóa của Trung Quốc

3.1. Hình thành thể chế văn hóa mới (1978 - 1991)

- Xác lập phương châm chỉ đạo cải cách thể chế văn hóa và thiết lập hệ thống pháp quy văn hóa mới: trong quá trình cải cách thể chế, các quy chế chính thức (bao gồm các văn kiện, nghị quyết, quy hoạch của Đảng Cộng sản Trung Quốc) có vai trò xác lập đường lối lãnh đạo của Đảng, còn luật và các văn bản dưới luật thể hiện chức năng quản lý của nhà nước đối với văn hóa Trung Quốc. Các văn kiện của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ năm 1978 đến năm 1991 đã xác lập đường lối cải cách thể chế văn hóa. Tháng 10 năm 1979, tại Đại hội đại biểu

“Những người làm công tác văn học nghệ thuật lần thứ tư”, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra phương châm chỉ đạo phát triển sự nghiệp văn học nghệ thuật: “Sự lãnh đạo tốt của Đảng đối với công tác văn hóa... phải căn cứ vào đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa nghệ thuật để giúp đỡ, tạo điều kiện cho những người làm công tác văn nghệ, nhằm phát triển phồn vinh sự nghiệp văn hóa nghệ thuật...” [2, tr.124]. Đây được coi là văn kiện đầu tiên đặt ra yêu cầu và nhiệm vụ trọng tâm của cải cách thể chế văn hóa. Báo cáo công tác Chính phủ của Quốc vụ viện Trung Quốc năm 1983 đã xác định: “Cải cách thể chế văn hóa phải được tiến hành từng bước, có chỉ đạo, với mục tiêu căn bản là tăng cường sức sống cho sự nghiệp văn hoá, phát huy triệt để tính sáng tạo của người làm công tác văn hoá, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm tốt, nhiều nhân tài giỏi, làm phồn vinh sự nghiệp văn hoá” [7].

- Xây dựng hệ thống quy phạm văn hóa đa ngành, nhiều lớp: về cơ bản, đây là một hệ thống quy phạm đa ngành, nhiều lớp, lấy Hiến pháp năm 1982 làm nền tảng [20], lấy Luật Văn hóa làm nội dung chính và có mối liên quan chặt chẽ với Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Kinh tế, Luật Xã hội, Luật Hình sự và Luật Tố tụng. Tầng thể chế tiếp theo là các văn bản dưới luật. Trong đó nổi bật là “Thông tư về tăng cường công tác quản lý thị trường văn hóa” được Bộ Văn hóa, Bộ Quản lý chính trị công thương quốc gia công bố năm 1988. Lần đầu tiên, khái niệm “thị trường văn hóa” được đề cập trong một văn bản pháp quy của Trung Quốc [7]. Năm 1989, Quốc vụ viện Trung Quốc đã phê chuẩn thành lập Cục Quản lý thị trường văn hóa trực thuộc Bộ Văn hóa. Sự ra đời của

Cục Quản lý thị trường văn hóa đã đánh dấu bước cụ thể hóa tiếp theo của Đặng Tiểu Bình về vấn đề tự do văn hóa. Dựa vào hệ thống các quy định pháp quy, đơn vị này đã tiến hành quản lý thị trường văn hóa theo hướng duy trì trật tự, ổn định trong hoạt động văn hóa, tạo ra các điều kiện đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh của thị trường văn hóa Trung Quốc. Ngoài ra, các cơ quan quyền lực và chính quyền các địa phương còn định ra nhiều pháp quy, quy chế địa phương để chấp hành pháp luật của Nhà nước và pháp quy hành chính theo tình hình thực tế.

- Chuyển từ bao cấp sang phân cấp quản lý văn hóa: từ năm 1949 đến trước năm 1978, phương thức quản lý văn hóa của Trung Quốc do nhà nước thống nhất quản lý và có kế hoạch. Tuy nhiên, sự vận hành của phương thức quản lý cũ đã cho thấy nhiều bất cập như không đáp ứng được các nhu cầu ngày càng cao về sinh hoạt văn hóa của người dân trong bối cảnh Trung Quốc đã tiến hành cải cách thể chế kinh tế, chính trị một cách sâu rộng. Các tổ chức văn hóa cơ sở như thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa... trực thuộc các cơ quan hành chính các cấp tại Trung Quốc hoạt động cầm chừng dưới sự chỉ đạo chồng chéo mang tính áp đặt, thậm chí giáo điều đối với các hoạt động văn hóa. Để đáp ứng nhu cầu của người dân, thích ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, Trung Quốc đã tiến hành chuyển từ mô hình bao cấp quản lý sang mô hình phân cấp quản lý: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý vĩ mô, các tổ chức văn hóa được tăng quyền tự chủ và vận hành theo pháp luật. Điểm then chốt của mô hình này là cho phép mọi thành phần sở hữu nhà nước, tập thể, cá nhân cùng tham gia vào hoạt động

sản xuất, sáng tạo, tiêu dùng các sản phẩm văn hóa và dịch vụ văn hóa. Trong khi Trung Quốc thực hiện xã hội hóa hoạt động cho các ngành nghề văn hóa, các hoạt động do Nhà nước tổ chức vẫn đóng vai trò chủ đạo trong việc phát triển ngành công nghiệp này đặc biệt là ngành tin tức xuất bản, điện ảnh và truyền thông.

3.2. *Kiến toàn thể chế (1992 - 2001)*

Trong chuyến “tuần du phương Nam” (1992), Đặng Tiểu Bình đã phát động làn sóng cải cách và mở cửa mới, trong đó, cải cách thể chế văn hóa phải được tiến hành thận trọng, vững chắc hơn. Trên cơ sở đó, Đại hội XIV, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác lập lộ trình đi sâu cải cách thể chế với những bước đi thận trọng nhằm hoàn thiện khung thể chế văn hóa theo hướng hiện đại hóa.

- Kiến toàn hệ thống pháp quy văn hóa mới: trong giai đoạn này, nội dung các văn bản pháp quy của Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn bám sát phương châm “Kiên quyết đi theo con đường cải cách mở cửa, tích cực đẩy mạnh cải cách sự nghiệp văn hóa” [15. tr.124]. Trong đó, Kiến nghị của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về việc chế định kế hoạch 5 năm lần thứ X phát triển kinh tế và xã hội quốc dân (Thông qua tháng 10 năm 2000, tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XV Đảng Cộng sản Trung Quốc) chính thức công bố khái niệm “công nghiệp văn hóa”. Tuy nhiên, bản “Kiến nghị” mới dừng lại ở thống nhất khái niệm “công nghiệp văn hóa” mà chưa cụ thể hóa các khâu trọng tâm của cải cách thể chế văn hóa. Đây cũng là lý do Trung Quốc tiếp tục công bố “Ý kiến về một số vấn đề đi sâu cải cách sự nghiệp quảng bá

sách báo, điện ảnh” (2001) nhằm tập trung vào một số lĩnh vực trọng điểm của cải cách thể chế văn hóa. Bản “Ý kiến” xác định: (1) lấy phát triển của cải cách thể chế văn hóa làm nội dung cơ bản; (2) lấy điều chỉnh kết cấu làm mục tiêu chính; (3) lấy việc xây dựng các tập đoàn làm bước đột phá trọng tâm, tập trung vào hệ thống quản lý vĩ mô, hoạt động cơ chế vi mô, hệ thống chính sách pháp luật, điều kiện thị trường, đưa ra tình hình tích cực trên năm khía cạnh để tiến hành tìm tòi và đổi mới nhằm phát triển thực lực, tăng cường sức sống, nâng cao khả năng cạnh tranh của văn hóa. Bản “Ý kiến” đặc biệt nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong sự nghiệp tăng cường cải cách xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình và điện ảnh của các khu vực.

Về chuyển đổi chức năng quản lý của Chính phủ, cải cách thể chế văn hóa trong giai đoạn này đã chú trọng đến việc xây dựng các quy định của pháp luật nhằm thúc đẩy quản lý văn hóa theo hướng hiện đại hóa. Theo thống kê, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhân dân toàn quốc, Quốc vụ viện và cơ quan quản lý văn hóa Trung ương Trung Quốc đã xây dựng và ban hành hơn 200 bộ luật và các quy định, văn bản chính sách liên quan đến việc quản lý văn hóa (quản lý các sản phẩm nghe nhìn, giải trí văn hóa, điện ảnh, phát thanh truyền hình, giao lưu văn hóa, xuất bản báo chí, Internet...) [7].

- Hoàn thiện hệ thống chính sách văn hóa và thí điểm cải cách thể chế tại một số lĩnh vực trọng điểm: năm 2001, Trung Quốc trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), điều này cho thấy Trung Quốc hội nhập ngày

càng sâu rộng hơn vào nền kinh tế toàn cầu. Do đó, cải cách thể chế văn hóa ở giai đoạn sau năm 2001 đặt trọng tâm vào việc hoàn thiện chính sách văn hóa theo hướng thiết lập một cơ chế văn hóa đảm bảo lợi ích xã hội lên hàng đầu. Trong đó, chính sách kinh tế văn hóa được ưu tiên triển khai (đầu tư và hỗ trợ văn hóa; thuế và giá các sản phẩm văn hóa; ngành nghề văn hóa; tài trợ của xã hội và đảm bảo xã hội...) [24]. Các chính sách công nghiệp văn hóa được thực thi trong giai đoạn này tập trung vào tăng cường quản lý về quy hoạch, thống kê, điều hành, chỉ đạo đối với các ngành nghề văn hóa và xây dựng cơ chế tự phát triển theo hướng công nghiệp hóa. Từ kinh nghiệm triển khai các chính sách kinh tế văn hóa, công nghiệp văn hóa, Trung Quốc đã thí điểm xây dựng thị trường biểu diễn nghệ thuật: sân khấu điện ảnh, âm nhạc, văn hóa giải trí, du lịch văn hóa.

3.3. Thí điểm triển khai các chính sách văn hóa mang tính đột phá (2002 - nay)

Cải cách thể chế từ năm 2002 đến nay được Trung Quốc chú trọng vào các khâu: (1) tạo lập các quy chế chính thức mang tính đột phá về thể chế văn hóa thông qua việc điều chỉnh, kiện toàn, bổ sung các văn kiện của Đảng, hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Chính phủ; (2) công bố 5 chính sách và 5 biện pháp phát triển văn hóa; (3) thí điểm cải cách tại 9 tỉnh và 35 đơn vị tuyên truyền văn hóa (Bắc Kinh, Trùng Khánh, Quảng Đông, Thâm Quyển, Thâm Dương, Tây An, Lệ Giang, Tô Châu, Liêu Ninh) và triển khai chính sách văn hóa trọng điểm trong và ngoài nước nhằm phát triển công nghiệp văn hóa và gia tăng sức mạnh mềm văn hóa [8]. Trong đó, trọng tâm cải cách là: thứ nhất, tiếp tục đi sâu cải

cách doanh nghiệp văn hóa và đơn vị sự nghiệp văn hóa nhà nước; mở rộng khả năng gia nhập thị trường văn hóa, thực hiện ưu đãi quốc dân cho đơn vị văn hóa tư nhân, tạo điều kiện chế độ để đơn vị tư nhân trong lĩnh vực phi văn hóa bước vào lĩnh vực văn hóa, đồng thời ủng hộ và khuyến khích doanh nghiệp văn hóa tư nhân phát triển; thứ hai, tăng cường xuất khẩu công nghiệp văn hóa thông qua thực hiện các chính sách hỗ trợ có trọng điểm, hỗ trợ về thuế [9], đẩy mạnh dịch vụ tài chính, hoàn thiện các dịch vụ liên quan, (đặc biệt, Chính phủ đẩy mạnh công tác bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nghiên cứu triển khai việc đánh giá giá trị quyền sở hữu trí tuệ, cung cấp kịp thời dịch vụ tư vấn về bản quyền, hệ thống luật pháp ở hải ngoại, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các công tác liên quan đến quyền bản quyền); thứ ba, thực hiện các chính sách đẩy mạnh tiêu dùng và đầu tư sáng tạo, tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật.

4. Đánh giá công cuộc cải cách thể chế văn hóa Trung Quốc từ năm 1978 đến nay

4.1. Thành tựu

Nguyên tắc cải cách “tiệm tiến” đã thúc đẩy văn hóa phát triển nhưng không gây xáo trộn mạnh mẽ trong đời sống xã hội Trung Quốc. Cải cách thể chế văn hóa là một quá trình phức tạp, ẩn chứa nhiều rủi ro, nhưng Trung Quốc đã thực hiện thành công việc cải cách thể chế văn hóa bằng nguyên tắc thay đổi “tiệm tiến” theo các bước điều chỉnh linh hoạt gắn chặt với thực tiễn, từ đó thí điểm bộ phận, mở rộng tổng thể và đột phá trọng tâm. Với nguyên tắc cải cách này, các khuôn khổ thể chế văn

hóa mới của Trung Quốc đã dần dần hình thành và từng bước hoàn thiện mà vẫn tránh được các thay đổi quá nhanh có thể gây ra tình trạng mất kiểm soát mang tính hệ thống dẫn đến tình trạng bất ổn về văn hóa, xã hội. Mặt khác, cách tiến hành như vậy còn tạo ra những thay đổi không quá “sốc” để cải cách thể chế văn hóa có thể thích ứng dần với cải cách thể chế kinh tế, chính trị, xã hội, cũng như các thể chế truyền thống (thể chế gia đình, tập quán văn hóa, thói quen ứng xử...) và công cuộc mở cửa hướng ra bên ngoài của Trung Quốc [8].

Cải cách thể chế văn hóa đã tạo nên cuộc cách mạng về quyền sở hữu, mở rộng thị trường, thúc đẩy công nghiệp văn hóa phát triển và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế của văn hóa Trung Quốc. Gần bốn thập kỷ tiến hành cải cách thể chế, Trung Quốc đã tạo nên cuộc cách mạng về quyền sở hữu trong lĩnh vực phát triển văn hóa. Nếu năm 2004, tỷ lệ giữa sở hữu công hữu và phi công hữu là 51/49, thì đến năm 2008, tỷ lệ này chuyển dịch đảo chiều: 47,5/52,5. Tính đến năm 2013, về cơ bản, Trung Quốc đã hoàn thành chuyển đổi cơ chế ở các đơn vị văn hóa sự nghiệp sang đơn vị văn hóa kinh doanh quốc hữu như xuất bản, sản xuất phim truyện, phát hành, các đoàn nghệ thuật; đồng thời, cấp phép đăng ký mới cho gần 7.000 đơn vị sự nghiệp văn hóa mang tính kinh doanh, nỗ lực xây dựng lại đội ngũ chủ thể thị trường mới, tăng cường sức cạnh tranh và thực lực của doanh nghiệp văn hóa quốc hữu hoặc có cổ phần nhà nước [18]. Đây chính là một cuộc cách mạng thực sự về quyền sở hữu được hình thành từ nhu cầu phá vỡ trật tự sở hữu đơn nhất cũ và mong đợi thực tế của người dân

về một đời sống văn hóa, một thị trường văn hóa hiện đại hơn, giàu sức sống hơn đã được Chính phủ Trung Quốc phát triển thành một cấu trúc chính thức và được luật hóa một cách chuyên nghiệp [8].

Quá trình cải cách cơ chế tự chủ tại các đơn vị văn hóa đã giúp Trung Quốc xây dựng được cơ chế vận hành tổng thể của ngành văn hóa phù hợp với cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa. Nước này đã tập trung vào việc phá vỡ các rào cản cũ bằng việc thí điểm cải cách có tự chủ của các đoàn biểu diễn, điện ảnh, truyền thông nhằm tăng cường năng lực tự chủ, sức sáng tạo cho các tổ chức và người làm văn hóa. Sự vận hành của cơ chế đã đảm bảo cho sự kết hợp giữa hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế, từ đó đem lại sức sống mới cho các ngành nghề văn hóa của Trung Quốc [18].

Việc mở rộng thí điểm cải cách thể chế văn hóa trong và ngoài nước đã mang lại những hiệu quả tích cực đối với sự phát triển của văn hóa Trung Quốc. Kết quả thí điểm cải cách thể chế văn hóa trong và ngoài nước đã khiến cho cơ cấu ngành công nghiệp văn hóa Trung Quốc ngày càng trở nên đa dạng bao gồm 9 ngành lớn, 24 ngành vừa và 99 ngành nhỏ với hơn 300 cơ sở và khu công nghiệp văn hóa, tập trung 20.000 doanh nghiệp văn hóa với hơn 100.000 lao động trình độ cao [19]. Theo thông báo của Bộ Tài chính Trung Quốc, năm 2013, nguồn vốn cung cấp cho quỹ hỗ phát triển công nghiệp văn hóa đạt 4,8 tỷ NDT, tăng 41,18% so với năm 2012. Tính đến nay, tổng nguồn vốn của Chính phủ đầu tư cho các quỹ này đã đạt mức 14,2 tỷ NDT [22]. Đây chính là nguồn lực quan trọng để Trung Quốc đẩy mạnh việc đầu tư nghiên

cứu điều chỉnh kết cấu văn hóa, hợp lý hóa bố cục phát triển ngành nghề văn hóa [9]. Sự đầu tư mạnh mẽ của nguồn vốn trong và ngoài nước, sự đa dạng hóa các nhóm ngành nghề văn hóa đã tạo nên những đóng góp quan trọng vào GDP của Trung Quốc. Năm 2014, nhóm ngành nghề này đã đạt 2.394 tỷ NDT, tăng 12,1% so với cùng kỳ, chiếm 3,76% tỷ trọng GDP của Trung Quốc [21].

Trên thực tế, việc cải cách hoạt động ngoại giao văn hóa, thúc đẩy sản phẩm văn hóa “bước ra bên ngoài” nhằm thiết lập vị thế, tầm ảnh hưởng nước lớn Trung Hoa trên phạm vi toàn cầu đã đem đến những hiệu ứng rõ rệt trong 10 năm đầu thế kỷ XXI. Thông qua con đường chính thức, Trung Quốc đã tổ chức nhiều hoạt động Tuần văn hóa, Tháng văn hóa và Năm văn hóa Trung Quốc ở các nước Pháp, Mỹ, Ai Cập, Nga, Ấn Độ, Phần Lan... Sự xuất hiện của 1.083 Học viện Khổng Tử vào năm 2015 ở 121 quốc gia [11] đã kích thích nhu cầu học tiếng Trung và tìm hiểu văn hóa Trung Quốc đối với nhiều người trên thế giới. Đây được coi là bước tiến nhất định của Trung Quốc trong việc biến một tổ chức giáo dục quốc tế thành “cửa ngõ” để đưa “sức mạnh mềm” ngôn ngữ, văn hóa của mình thâm nhập vào một quốc gia khác.

4.2. Hạn chế

- Thể chế văn hóa Trung Quốc chưa vượt qua được nhiều trở ngại: cải cách thể chế chỉ thực sự thành công khi nó vượt qua các trở ngại và tạo ra những chuyển biến tích cực bên trong các khuôn khổ mới. Nhưng trên thực tế, Trung Quốc chưa làm được điều này. Trong gần bốn thập kỷ qua, cải cách thể chế văn hóa đã mở rộng các giới hạn cho những thay đổi ngày càng đa dạng

về nhận thức, cũng như năng lực sáng tạo văn hóa của người dân Trung Quốc được phát triển trong môi trường ổn định hơn. Tuy nhiên, những chuyển biến theo chiều hướng tích cực đó, diễn ra khá chậm chạp do các khuôn khổ thể chế văn hóa mới của Trung Quốc chưa đủ mạnh để vượt qua nhiều trở ngại (quan niệm, lợi ích, pháp luật, nguồn nhân lực và nguồn vốn...).

- Cải cách thể chế chưa tạo được hiệu ứng xã hội tích cực: với Trung Quốc, vấn đề không đơn giản là thiết lập thể chế, mà là làm sao cho những người dân chấp nhận những thứ bên trong các khuôn khổ của nó, chứ không phải là chối bỏ, phản đối hay tìm những thứ hấp dẫn ở bên ngoài. Cải cách thể chế văn hóa song hành với mở cửa hội nhập quốc tế, đã tạo điều kiện cho Trung Quốc tiếp nhận những kinh nghiệm cải cách từ bên ngoài, đồng nghĩa với việc các trào lưu tư tưởng, làn sóng văn hóa sẽ thâm nhập mạnh vào đời sống xã hội. Thực tế này buộc Trung Quốc phải xây dựng được khuôn khổ thể chế đủ rộng để tạo nên môi trường dung hòa các giá trị văn minh trên thế giới, nhưng cũng phải có cơ chế quản lý chặt chẽ để kiểm soát để ngăn chặn các tác động tiêu cực từ bên ngoài có khả năng gây xói mòn các giá trị văn hóa và gây nên tình trạng mất định hướng chính trị trong đời sống nhận thức của người dân. Trung Quốc đã ý thức rất rõ việc cần phải hiện đại hóa hệ giá trị, tiếp nhận các tinh hoa từ bên ngoài, song cũng đánh giá được sự nguy hiểm khi không kiểm soát được quá trình thay đổi và không ngăn chặn được các tác động tiêu cực gây mất ổn định về chính trị từ bên ngoài xâm nhập vào. Do đó, để tránh tình trạng mất kiểm soát và gây đổ vỡ lòng

tin trong đời sống xã hội, Trung Quốc đã sử dụng việc thắt chặt truyền thông, hạn chế truy cập các mạng Internet để loại bỏ sự can thiệp quá nhanh của các luồng tư tưởng bên ngoài vào Trung Quốc. Bên cạnh đó, họ lại mở rộng và cho phép các kênh truyền hình thực hiện các chương trình thực tế theo phiên bản gốc của nước ngoài (Tìm kiếm tài năng; Người mẫu; Bố ơi, mình đi đâu thế - phiên bản Trung Quốc) xen kẽ với các cuộc thi trong nước theo xu hướng đáp ứng nhu cầu giải trí mang tính thị trường như: “Giọng nữ siêu cấp”, “Giọng nam vui nhộn”... Tuy nhiên, vấn đề của Trung Quốc gặp phải trong quá trình thực hiện các thay đổi về truyền thông chính là việc họ cấm truy cập truyền thông, nhưng lại không có các chế tài phù hợp để hạn chế tình trạng nhập lậu các văn hóa phẩm thiếu lành mạnh. Tương tự như vậy, Trung Quốc mở đường cho các chương trình giải trí phiên bản nước ngoài xuất hiện ồ ạt trên các kênh truyền hình, song lại không có một cơ chế quản lý, điều chỉnh chương trình phù hợp với thực tế phát triển văn hóa. Hạn chế trên đã cho thấy những lỗ hổng rất lớn trong các khuôn khổ của thể chế văn hóa Trung Quốc. Mặc dù nhận thức khá rõ hơn thể chế trên, song cho đến nay việc nghiên cứu một cách có hệ thống các thiết chế pháp lý nhằm kiểm soát hiệu quả các tác động trái chiều về văn hóa tại Trung Quốc còn bị xem nhẹ, trong khi hệ thống pháp luật được xây dựng để bảo vệ và thúc đẩy cạnh tranh hiệu quả trên thị trường văn hóa lại chưa đầy đủ và phù hợp [8, tr.23].

- Hệ thống luật bảo hộ bản quyền thiếu các bảo đảm cần thiết kích thích khả năng sáng tạo và hội nhập quốc tế của văn hóa Trung Quốc:

sau gần 40 năm tiến hành cải cách mở cửa và hội nhập quốc tế, Trung Quốc vẫn còn lúng túng trong việc xác định chất lượng các sản phẩm văn hóa và dịch vụ văn hóa được bảo hộ. Năm 2012, theo báo cáo của Bộ Văn hóa Trung Quốc, trong số 647 hạng mục được điều tra của thị trường văn hóa có tới 60% các trường hợp vi phạm pháp luật, nhiều nhất là luật bản quyền tác giả. Số liệu này cho thấy, các sản phẩm văn hóa của Trung Quốc ở cả khía cạnh kinh tế lẫn giá trị, bản sắc hầu hết đều không được bảo đảm một cách chắc chắn trong hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền, bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu, bảo hộ chỉ dẫn địa lý, bảo hộ bí mật thương mại, bảo hộ tài nguyên truyền thống. Sự yếu kém trong hệ thống luật bảo hộ này đã khiến cho văn hóa Trung Quốc không được bảo đảm các quyền cơ bản để tham gia cạnh tranh lành mạnh vào thị trường, cản trở việc phát huy khả năng sáng tạo văn hóa và không thể kiểm soát được các thiệt hại khi bị tước đoạt bản quyền, thương hiệu, các bí mật thương mại trong quá trình hội nhập quốc tế. Giống như “cái hồ cần nhà máy thủy điện để tạo năng lượng khả dụng” [6, tr.51] các sản phẩm văn hóa Trung Quốc cần hệ thống bảo hộ các quyền cơ bản để tạo ra sự giải phóng về năng lượng sáng tạo, sức mạnh cạnh tranh khi tham gia vào thị trường văn hóa quốc tế. Nếu không thực sự tạo nên những bước đột phá có chiều sâu về lĩnh vực này, chắc chắn Trung Quốc sẽ khó tạo nên các thương hiệu mạnh, các giá trị văn hóa đậm bản sắc dân tộc trong những sản phẩm văn hóa có sự thăng hoa giữa công nghệ hiện đại và năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân.

- Sự can thiệp quá sâu của chính phủ trong các bước cải cách ngoại giao văn hóa và truyền thông đã tạo nên những phản ứng tiêu cực trong dư luận quốc tế: các phân tích về mục tiêu cải cách thể chế của Trung Quốc từ Đại hội XVII và đặc biệt là Đại hội XVIII, đã cho thấy, Trung Quốc đang sẵn sàng để trở thành một quyền lực lớn trên thế giới. Thông qua cải cách thể chế ở lĩnh vực ngoại giao văn hóa, Trung Quốc muốn biến sức mạnh mềm văn hóa thành công cụ “lăng xê” hình ảnh so với trước cải cách mở cửa, hoặc tỏ ra vô tư là một người láng giềng tốt đối với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới [14]. Thế nhưng trên thực tế, các nỗ lực cải cách về ngoại giao văn hóa dường như không mang lại những hiệu quả như mong đợi khi các phản ứng tiêu cực trong cộng đồng quốc tế nói chung, khu vực nói riêng ngày càng dâng cao đối với hình ảnh và sức thuyết phục Trung Quốc.

Về cơ bản, hầu hết chủ thể của mọi hoạt động ngoại giao văn hóa của Trung Quốc hiện nay như Năm văn hóa, Tuần văn hóa đều do Chính phủ hoặc cơ quan Chính phủ chủ trì hoặc trực tiếp chỉ đạo. Các hoạt động này thường được Trung Quốc đầu tư với nguồn kinh phí rất lớn, kèm theo các khẩu hiệu “văn minh Trung Hoa”, “trỗi dậy, phục hưng” đậm màu sắc chính trị phục vụ cho cái gọi là cụ thể hóa khái niệm “sự trỗi dậy của văn hóa Trung Quốc” của Đảng Cộng sản Trung Quốc [8, tr.25]. Cách làm thiếu tinh tế, khoa trương và cứng nhắc này của Trung Quốc rõ ràng sẽ khó lòng nhận được sự thiện cảm hay thái độ sẵn sàng tiếp nhận tại các nước bản địa. Thậm chí, điều này còn khiến cho người dân các nước trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia láng giềng nghi ngờ về tính khách quan,

chân thực của các hoạt động ngoại giao văn hóa của Trung Quốc.

Mối lo ngại về sự can thiệp từ Chính phủ Trung Quốc còn hướng vào các hoạt động của các Học viện Khổng Tử. Hiện nay, có không ít ý kiến cho rằng, Học viện Khổng Tử có mặt tại các cơ sở đào tạo nước sở tại như những tổ chức đem đến nguy cơ xâm lược văn hóa và tuyên truyền hệ tư tưởng của Nhà nước Trung Quốc. Đặc biệt, năm 2014 và 2015 tại Mỹ, Canada, Úc, đã xuất hiện những nỗ lực cảnh báo về nguy cơ mở rộng của Học viện và Lớp học Khổng Tử tại các cơ sở giáo dục kể cả các trường công và trường tư [16].

5. Kết luận

Trong gần bốn thập kỷ qua, cải cách thể chế văn hóa Trung Quốc đã trải qua 3 giai đoạn: hình thành (1978 - 1991); kiện toàn (1992 - 2001); thí điểm bộ phận, mở rộng tổng thể và đột phá có trọng tâm (2002 - nay). Dựa trên nguyên tắc cải cách “tiệm tiến”, Trung Quốc đã hình thành được các mô hình thể chế văn hóa mới có khả năng phá vỡ các trở ngại kìm hãm sức phát triển của văn hóa, giải phóng sức sản xuất văn hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh ngành công nghiệp văn hóa, từng bước thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng về nhận thức, hưởng thụ văn hóa của người dân và thúc đẩy văn hóa hội nhập sâu hơn vào quá trình toàn cầu hóa. Nhưng những hạn chế nảy sinh trong quá trình cải cách thể chế văn hóa trong thời gian qua cũng cho thấy, Trung Quốc vẫn chưa phát huy hiệu quả hệ thống pháp quy văn hóa, quá trình luật hóa trong đời sống còn chậm, phương thức chỉ đạo, quản lý văn hóa còn chồng chéo, cơ chế vận hành của các tổ chức văn hóa chưa hiệu quả dẫn đến tình trạng phát triển văn hóa chưa bắt kịp với phát triển kinh tế, chưa

tạo nên môi trường thể chế lành mạnh kích thích sáng tạo, hình thành giá trị, hội nhập và nâng cao ảnh hưởng quốc tế về văn hóa. Từ kinh nghiệm thành công của nước bạn, căn cứ vào sự tương đồng về thể chế cũng như tình hình thực tiễn của Việt Nam, chúng tôi cho rằng, công cuộc đổi mới của Việt Nam trên lĩnh vực phát triển văn hóa cần: (1) tiếp tục cải cách thể chế văn hóa theo phương thức Đảng định hướng đường lối, Nhà nước quản lý vĩ mô, các tổ chức, cá nhân được trao quyền tự chủ nhiều hơn trong hoạt động văn hóa; (2) đề xuất những giải pháp hiệu quả đối với vấn đề sở hữu văn hóa, đặc biệt là đối với thành phần sở hữu tư nhân, thu hút vốn đầu tư, vấn đề bản quyền, vấn đề cơ cấu ngành nghề, vấn đề thị trường văn hóa nhằm phát triển sự nghiệp văn hóa và công nghiệp văn hóa, từ đó hoàn thiện hơn mô hình văn hóa hiện đại; (3) hoàn thiện cơ chế, chính sách, biện pháp đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, tăng cường quảng bá hình ảnh, sức hấp dẫn, giá trị Việt Nam ra thế giới. Mặt khác, từ việc xem xét hạn chế của Trung Quốc (như hoặc kiểm soát quá chặt chẽ, hoặc buông lỏng quản lý trong lĩnh vực truyền thông, hay né tránh các giải pháp triệt để nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, hình thành giá trị mới) và căn cứ lợi thế sẵn có của chúng ta (môi trường văn hóa cởi mở hơn về tiếp nhận, trao đổi thông tin quốc tế, dễ thích nghi và không ngại đổi mới, có nhiều các tập đoàn khoa học công nghệ hàng đầu trên thế giới đang hoạt động) theo chúng tôi Việt Nam cần: (1) tập trung kiện toàn hệ thống luật bản quyền và quyền liên quan tạo môi trường cởi mở về thông tin, đa dạng về khả năng kết nối khoa học công nghệ hiện đại; (2) khuyến khích các loại hình văn hóa mới ra đời, chú trọng thúc đẩy sự phát triển của các thương hiệu văn hóa mạnh, hình thành môi trường

thể chế cởi mở, linh hoạt nhưng vẫn bảo đảm khả năng ổn định để nuôi dưỡng, kích thích sự sáng tạo, hình thành các giá trị văn hóa mới một cách tự nguyện trong đời sống xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đinh Văn Ân, Võ Trí Thành (2002), *Thể chế - cải cách thể chế và phát triển, Lý luận và thực tiễn ở nước ngoài và Việt Nam*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [2] Đặng Tiểu Bình (1995), *Bàn về cải cách và mở cửa của Trung Quốc*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [3] Khang Thức Chiêu (Chủ biên) (1996), *Cải cách thể chế văn hóa*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] *Cương yếu quy hoạch phát triển văn hóa 5 năm lần thứ XI*, Nxb Pháp chế Trung Quốc, Bắc Kinh (2006).
- [5] Đảng Cộng sản Trung Quốc (2003), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XVI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Hernando de Soto (2006), *Bí ẩn của vốn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Cao Thụ Huân (2002), *Pháp quy và cơ cấu văn hóa Trung Quốc*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thị Thu Phương (2016), “Cải cách thể chế văn hóa Trung Quốc và một số gợi mở đối với Việt Nam”, Tạp chí *Đông Bắc Á*, số 1.
- [9] Trần Thị Thủy (2015), “Chính sách xuất khẩu công nghiệp văn hóa của Trung Quốc - Một số khuyến nghị đối với Việt Nam”, Kỷ yếu “Tọa đàm Phát triển ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trong hội nhập quốc tế”, do Ban Kinh tế Trung ương tổ chức.
- [10] *Tuyển chọn những văn kiện quan trọng từ Đại hội XIII (quyển hạ)* (1993), Nxb Nhân dân, Trung Quốc.
- [11] *Tuyển tập các văn kiện từ sau Hội nghị Trung ương 3 (quyển thượng)* (1982), Nxb Nhân dân, Trung Quốc.
- [12] Phạm Hồng Yến (2009), “Ngoại giao văn hóa Trung Quốc và vai trò của nó trong quá trình hội nhập quốc tế”, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 8.
- [13] Douglass Cecil North (1990), *Institutions, Institutional Change and Economic Performance*, Cambridge University Press.
- [14] Johshua Kurlantzick (2007), *Charm Offensive: How China's Soft Power Is Transforming the World*, Yale University.
- [15] Malcolm Rutherford (1994), *Institutions in Economics: The Old and the New Institutionalism*, Cambridge University Press, Cambridge.
- [16] William A. Callahan (2015), “Identity and Security in China: The Negative Soft Power of the China Dream”, *Politics*, vol 35 (3-4).
- [17] <http://www.ccnt.gov.cn>
- [18] http://news.xinhuanet.com/zgjx/2013-06/14/c_132453952.htm
- [19] http://www.chinadaily.com.cn/hqgj/jryw/2013-09-08/content_10063874.html
- [20] <http://www.people.com.cn>
- [21] http://www.gov.cn/gzdt/2013-11/19/content_2530048.htm
- [22] <http://news.sina.com.cn/c/2011-10-26/001923361344.shtml>
- [23] <http://finance.eastmoney.com/090926,1198260.html>
- [24] http://www.chinesecio.com/m/cio_wci

